

## YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Bệnh viện Ung bướu Nghệ An có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho Gói thầu cung ứng các mặt hàng hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế đợt 5 năm 2025 tại Bệnh viện Ung bướu Nghệ An thuộc Dự toán mua sắm: Cung ứng các mặt hàng hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế đợt 5 năm 2025 tại Bệnh viện Ung bướu Nghệ An với nội dung cụ thể như sau:

### I- Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

#### 1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

Bệnh viện Ung bướu Nghệ An - 60 Tôn Thất Tùng, phường Hưng Dũng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

#### 2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

DS. Hoàng Võ Phương Anh - Nhân viên phòng Hóa chất - VTYT.

SĐT: 0862.261.337.

Địa chỉ email: hvpanh99.ubna@gmail.com.

#### 3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bộ phận Văn thư - Bệnh viện Ung bướu Nghệ An - 60 Tôn Thất Tùng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

- Nhận qua email: [dauthauvtyt.ubna@gmail.com](mailto:dauthauvtyt.ubna@gmail.com).

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 15h00' ngày 20 tháng 05 năm 2025 đến trước 16h00' ngày 30 tháng 05 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 180 ngày kể từ ngày 30 tháng 05 năm 2025. (Thời điểm kết thúc nhận báo giá).

### II- Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế yêu cầu báo giá (gọi chung là hàng hóa).

(Chi tiết tại phụ lục 1 kèm theo)

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt, bảo quản hàng hóa: Phòng Hóa chất – VTYT – Bệnh viện Ung bướu Nghệ An (Đ/c: 60. Tôn Thất Tùng – P. Hưng Dũng – Tp. Vinh – Nghệ An và Km 456 – Quốc lộ 1A – Xóm 3 – xã Nghi Liên – Thành phố Vinh – Nghệ An).

3. Thời gian giao hàng dự kiến: cung cấp hàng hoá trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được thông báo dự trù của Bệnh viện Ung bướu Nghệ An, đầy đủ số lượng, đảm bảo chất lượng và phù hợp với thời gian thực hiện hợp đồng.

4. Dự kiến các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Phương thức thanh toán: Chuyển khoản. Số lần thanh toán là nhiều lần trong quá trình thực hiện hoặc thanh toán một lần khi hoàn thành hợp đồng. Thời hạn thanh toán: không quá 90 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ chứng từ theo yêu cầu. Chứng từ thanh toán phải phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Các nhà cung cấp báo giá theo mẫu tại phụ lục 2 kèm theo.

Trân trọng!.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổ tham mưu tổng hợp;
- Lưu: VT, P.HC-VTYT

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Ngô Trí Diễm

**PHỤ LỤC I. DANH MỤC, YÊU CẦU VỀ TÍNH NĂNG, YÊU CẦU KỸ THUẬT CỦA GÓI THẦU CUNG ỨNG CÁC MẶT HÀNG HOÁ CHẤT, VẬT TƯ XÉT NGHIỆM, THIẾT BỊ Y TẾ ĐỢT 5 NĂM 2025 TẠI BỆNH VIỆN UNG BƯỞU NGHỆ AN**

(Ban hành kèm theo Yêu cầu báo giá số 1811 /BVUB-P.HC-VTTYT ngày 20/ 5 /2025)

| STT                    | Mã hàng hoá | Tên hàng hóa                                                     | Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | ĐVT  | Số lượng dự kiến mua sắm |
|------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|--------------------------|
| 1                      | V01         | Lưỡi dao cắt tiêu bản                                            | Lưỡi dao chất liệu bằng thép không gỉ, độ cắt nghiêng lưỡi dao $\geq 35^\circ$ . Kích thước dao: $(\geq 80\text{mm}) \times (\geq 8\text{mm}) \times (\geq 0,25\text{mm})$ . Lưỡi dao cắt được bệnh phẩm, tủy xương, xương và mô; lát cắt phẳng mịn giữ nguyên hình dạng của bệnh phẩm, không nhăn.                                                                                                                                                                                          | Cái  | 3.000                    |
| 2                      | V02         | Clip kẹp mạch máu chất liệu Titanium các cỡ                      | Các cỡ: ML; L.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Cái  | 1.440                    |
| 3                      | V03         | Giấy in nhiệt                                                    | Đường kính cuộn: 4,5 cm. Kích thước: rộng $\geq 8\text{cm}$ ...                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Cuộn | 400                      |
| 4                      | V04         | Giấy in tem nhãn                                                 | Kích thước 80mm x 50mm. Cuộn dài $\geq 30\text{m}$ .                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Cuộn | 50                       |
| 5                      | V05         | Chỉ tiêu tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 3/0                   | Chỉ dài 75cm, 1 kim tròn, kim dài 26mm 1/2 vòng tròn. Tiết trùng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Sợi  | 660                      |
| 6                      | H01         | Hóa chất định lượng CK-MB                                        | Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng CK-MB. Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương. Số lượng test thực hiện được: $\geq 7$ test/ml. Hộp: $(\geq 2) \times (\geq 22\text{ml}) + (\geq 2) \times (\geq 4\text{ml}) + (\geq 2) \times (\geq 6\text{ml})$ . Tương thích sử dụng trên máy xét nghiệm sinh hóa AU680 của hãng Beckman Coulter-Mỹ.                                                                                                                                                   | Hộp  | 1                        |
| 7                      | H02         | Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm theo dõi thuốc điều trị mức 1 | Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm theo dõi thuốc điều trị mức 1. Thành phần: Huyết thanh. Mức độ phân tích được điều chỉnh với các loại thuốc, chất chuyển hóa thuốc và hóa chất tinh khiết. Thời gian ổn định sau mở nắp $\geq 1$ tháng. Hộp $(\geq 6) \times (\geq 5\text{ml})$ . Tương thích sử dụng trên máy xét nghiệm sinh hóa AU680 của hãng Beckman Coulter-Mỹ.                                                                                                                     | Lọ   | 1                        |
| 8                      | H03         | Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm theo dõi thuốc điều trị mức 2 | Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm theo dõi thuốc điều trị mức 2. Thành phần: Huyết thanh. Mức độ phân tích được điều chỉnh với các loại thuốc, chất chuyển hóa thuốc và hóa chất tinh khiết. Thời gian ổn định sau mở nắp $\geq 1$ tháng. Hộp $(\geq 6) \times (\geq 5\text{ml})$ . Tương thích sử dụng trên máy xét nghiệm sinh hóa AU680 của hãng Beckman Coulter-Mỹ.                                                                                                                     | Lọ   | 1                        |
| 9                      | H04         | Dung dịch rửa máy hàng ngày                                      | Thành phần: KOH 1-5%. Tương thích sử dụng trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động DXI 800 của hãng Beckman Coulter- Mỹ. Bình $\geq 1$ lít                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Bình | 1                        |
| 10                     | H05         | Bộ hóa chất tách chiết acid nucleic                              | Bộ hóa chất tách chiết và tinh sạch đồng thời DNA bộ gen, DNA vi khuẩn và DNA/RNA virus từ huyết tương, huyết thanh, dịch cơ thể không tế bào, các loại mẫu phết, mẫu đờm, dịch rửa phế quản, dịch tiết khí quản, mẫu vi khuẩn nuôi cấy, dịch nổi mẫu phân, dịch não tủy, dịch nổi nuôi cấy tế bào, mẫu máu tươi/đông lạnh, mô sinh thiết, nước tiểu bằng công nghệ cột lọc. Hiệu suất thu hồi DNA genome từ máu toàn phần: $\geq 1 \mu\text{g}$ DNA. Bộ dùng cho $\geq 250$ lần xét nghiệm. | Bộ   | 1                        |
| 11                     | H06         | Oxy già đậm đặc ( $\geq 50\%$ )                                  | Nồng độ $\geq 50 \%$                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Kg   | 600                      |
| Tổng cộng: 11 mặt hàng |             |                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |      |                          |



Phụ lục 2: Mẫu báo giá  
(Ban hành kèm theo Yêu cầu báo giá số /BVUB-P.HC-VTTYT ngày / /2025)

Kính gửi: Bệnh viện Ung bướu Nghệ An

Trên cơ sở Yêu cầu báo giá số /BVUB-P.HC-VTTYT ngày / / của Bệnh viện Ung bướu Nghệ An, chúng tôi.....[ghi tên, địa chỉ của đơn vị báo giá] báo giá cho các mặt hàng hóa chất, vật tư xét nghiệm và các hàng hóa khác như sau:

1. Báo giá:

| STT mặt hàng            | Mã hàng hóa | Mã hàng hóa theo quyết định 5086/QĐ-BYT (nếu có) hoặc Mã nhóm VTTYT theo Thông tư 04/2017/TT-BYT | Tên hàng hóa mời báo giá | Tên thương mại mặt hàng báo giá | Đặc tính kỹ thuật mặt hàng báo giá | Hãng- nước sản xuất | Model/ ký mã hiệu sản phẩm | ĐVT | Số lượng mua sắm | Đơn giá báo giá (có VAT) | Thành tiền      | Quy cách | Mã HS | Thuế VAT (%) |
|-------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|---------------------------------|------------------------------------|---------------------|----------------------------|-----|------------------|--------------------------|-----------------|----------|-------|--------------|
|                         | (1)         | (2)                                                                                              | (3)                      | (4)                             | (5)                                | (6)                 | (7)                        | (8) | (9)              | (10)                     | (11)=(9) x (10) | (12)     | (13)  | (14)         |
| 1                       |             |                                                                                                  |                          |                                 |                                    |                     |                            |     |                  |                          |                 |          |       |              |
| 2                       |             |                                                                                                  |                          |                                 |                                    |                     |                            |     |                  |                          |                 |          |       |              |
| n                       |             |                                                                                                  |                          |                                 |                                    |                     |                            |     |                  |                          |                 |          |       |              |
| Tổng cộng .... mặt hàng |             |                                                                                                  |                          |                                 |                                    |                     |                            |     |                  |                          | 0               |          |       |              |

Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh mặt hàng báo giá đáp ứng tên hàng hóa, yêu cầu về tính năng và yêu cầu kỹ thuật mời báo giá (ví dụ: catalog sản phẩm, ...)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng:.....ngày [ghi cụ thể số ngày nhưng không được nhỏ hơn 180 ngày]. kể từ ngày 30/05/2025 [kết thúc thời điểm nhận báo giá].

*[Handwritten signature]*

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Cung cấp thông tin về giá của hàng hóa, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình và bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá, đảm bảo giá chào phù hợp với giá cung ứng cho các đơn vị khác trong khu vực.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày tháng năm 2021...  
**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ BÁO GIÁ**  
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1), (3), (8), (9): Đơn vị báo giá ghi đúng thông tin tại phụ lục I.
  - (2) Nhà thầu điền chính xác đầy đủ thông tin:
    - + Đối với vật tư y tế đã được cấp mã theo Quyết định số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 của Bộ Y tế: Kê khai mã vật tư theo Quyết định số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 của Bộ Y tế chỉ tiết theo từng kích cỡ. Trường hợp hàng hóa có nhiều mã vật tư theo Quyết định số 5086/QĐ-BYT thì điền tất cả các mã vật tư tương ứng với các model hoặc kích thước dự thầu; giữa mã vật tư cách nhau bởi dấu “.”.
    - + Đối với vật tư y tế chưa được cấp mã theo Quyết định số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 của Bộ Y tế: Kê khai mã nhóm VTYT theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Bộ Y tế.
  - (4), (5), (6), (7), (12), (13), (14): Đơn vị báo giá ghi đúng thông tin của mặt hàng báo giá.
  - (10) Đơn vị báo giá ghi giá trị đơn giá của mặt hàng báo giá, đơn giá bao gồm các chi phí cho các dịch vụ liên quan và thuế phí, lệ phí (nếu có).
  - (11) Đơn vị báo giá ghi giá trị thành tiền, giá trị ghi tại cột này bằng tổng số lượng (cột (9)) nhân với đơn giá (cột (10)).
- Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

